|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2022/QĐ-UBND*“Dự thảo lần 2”* | *Bắc Giang, ngày tháng năm 2022*  |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định tiêu chuẩn, tuyển dụng và quản lý cán bộ,**

**công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

 *Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

 *Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

 *Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

 *Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

 *Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

 *Căn cứ Nghị định số*[*92/2009/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-92-2009-nd-cp-chuc-danh-so-luong-che-do-chinh-sach-can-bo-cong-chuc-o-xa-phuong-thi-tran-va-nhung-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-96422.aspx)*ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;*

 *Căn cứ Nghị định số*[*112/2011/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2011-nd-cp-cong-chuc-xa-phuong-thi-tran-132674.aspx)*ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;*

 *Căn cứ Nghị định số*[*34/2019/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-34-2019-nd-cp-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-412266.aspx)*ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

 *Căn cứ Nghị định số*[*112/2020/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2020-nd-cp-xu-ly-ky-luat-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-453227.aspx)*ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;*

 *Căn cứ Thông tư số*[*13/2019/TT-BNV*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-13-2019-tt-bnv-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-427442.aspx)*ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

 *Căn cứ Quyết định số*[*04/2004/QĐ-BNV*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/quyet-dinh-04-2004-qd-bnv-quy-dinh-tieu-chuan-cu-the-can-bo-cong-chuc-xa-phuong-thi-tran-53083.aspx)*ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;*

 *Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số ......./TTr-SNV ngày...... tháng......năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

 **Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn, tuyển dụng và quản lý cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

 **Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực ngày .....tháng..... năm 2022. Quyết định này thay thế Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định tiêu chuẩn, tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

 **Điều 3.** Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;- Vụ Pháp luật (Văn phòng Chính phủ);- Vụ Pháp chế (Bộ Nội vụ);- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;- CT, các PCT UBND tỉnh;- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;- VP Tỉnh ủy, các cơ quan thuộc Tỉnh ủy;- VP HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh;- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;- LĐVP, các phòng, Trung tâm thông tin;- Lưu: VT, NC. |  **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH Lê Ánh Dương**  |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Tiêu chuẩn, tuyển dụng và quản lý cán bộ, công chức cấp xã**

**trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày ..... tháng .... năm 2022*

*của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

 **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

 Quy định này quy định tiêu chuẩn, tuyển dụng và quản lý cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (viết tắt là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

 **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

 1. Cán bộ, công chức cấp xã có chức vụ, chức danh quy định tại khoản 2 khoản 3 Điều 61 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 *(viết tắt là Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức)*.

 2. Cán bộ, công chức cấp xã đã nghỉ việc, nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác nhưng có hành vi vi phạm trong quá trình công tác (sau đây gọi chung là người đã nghỉ việc, nghỉ hưu).

 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tiêu chuẩn, tuyển dụng và quản lý cán bộ, công chức cấp xã theo Quy định này.

**Chương II**

**TIÊU CHUẨN, CHỨC VỤ, CHỨC DANH, SỐ LƯỢNG,**

**BỐ TRÍ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC XÃ**

**Điều 3. Chức vụ, chức danh**

1. Cán bộ cấp xã có 11 chức vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Cán bộ, công chức năm 2008.

2. Công chức cấp xã có 06 chức danh quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức như sau:

a) Chỉ huy trưởng Quân sự;

b) Văn phòng - Thống kê;

c) Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã);

d) Tài chính - Kế toán;

đ) Tư pháp - Hộ tịch;

e) Văn hóa - Xã hội.

**Điều 4. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã**

1. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã được bố trí theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn, cụ thể:

a) Đối với xã, thị trấn:

Loại 1 tối đa không quá 22 người;

Loại 2 tối đa không quá 20 người;

Loại 3 tối đa không quá 18 người.

b) Đối với phường:

Loại 1 tối đa không quá 23 người;

Loại 2 tối đa không quá 21 người;

Loại 3 tối đa không quá 19 người.

2. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã. Riêng trường hợp luân chuyển về đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì thực hiện theo Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.

3. Số lượng cán bộ, công chức xã, thị trấn quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đã tính giảm 01 người do bố trí Trưởng công an là công an chính quy. Đối với phường không có tổ chức Hội Nông dân thì số lượng cán bộ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này giảm 01 người và UBND cấp huyện bố trí tăng 01 người cho chức danh công chức phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của phường nhưng không vượt quá tổng số cán bộ, công chức phường quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

4. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế của địa phương, xã, phường, thị trấn không bắt buộc phải bố trí cán bộ, công chức cấp xã đủ số lượng tối đa quy định tại khoản 1 Điều này, có thể bố trí kiêm nhiệm nhưng phải đảm bảo các chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã quy định tại Điều 3 Quyết định này đều có người đảm nhiệm và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

**Điều 5. Bố trí cán bộ, công chức cấp xã**

 1. Cán bộ cấp xã

 a) Mỗi chức vụ cán bộ cấp xã quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này được bố trí từ 01 người trở lên trừ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở cấp xã loại 1, loại 2, được bố trí tối đa không quá 02 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

 b) Đối với chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã: Bố trí Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Đối với xã, phường, thị trấn có đủ điều kiện thực hiện mô hình Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thì bố trí Phó Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

 2. Công chức xã

 a) Chức danh: Tài chính- Kế toán, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự được bố trí 01 người.

 b) Chức danh: Văn phòng - Thống kê, Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (*đối với xã*) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng- Đô thị và Môi trường (*đối với phường, thị trấn),* Văn hóa- Xã hộiđược bố trí 02 người. Riêng chức danh: Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (*đối với xã*) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng- Đô thị và Môi trường (*đối với phường, thị trấn)* ở cấp xã loại 1được bố trí 03 người, Văn hóa- Xã hội ở cấp xã loại 3 được bố trí 01 người.

 c) Chức danh: Tư pháp - Hộ tịch được bố trí 01 người. Riêng ở cấp xã loại 1, chức danh Tư pháp - Hộ tịch được bố trí 02 người. Trường hợp, do yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế của địa phương, UBND cấp huyện có thể lựa chọn bố trí tăng 01 công chức Tư pháp- Hộ tịch ở cấp xã loại 2 nhưng phải giảm 01 công chức Văn hóa- Xã hội ở đơn vị này và không vượt quá tổng số công chức quy định tại Khoản này.

 3. Cán bộ cấp xã có thể kiêm nhiệm chức vụ cán bộ hoặc chức danh công chức cấp xã khác, trừ trường hợp pháp luật quy định không cho phép kiêm nhiệm; chỉ bố trí cán bộ cấp xã kiêm nhiệm công chức cấp xã khi đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh công chức cấp xã quy định tại Điều 6, Điều 7 Quyết định này.

 **Điều 6. Tiêu chuẩn cán bộ, công chức cấp xã**

 1. Tiêu chuẩn chung

 a) Cán bộ cấp xã phải có đủ các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 3 Quyết định số [04/2004/QĐ-BNV](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/quyet-dinh-04-2004-qd-bnv-quy-dinh-tieu-chuan-cu-the-can-bo-cong-chuc-xa-phuong-thi-tran-53083.aspx) ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

 b) Công chức cấp xã phải có đủ các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 3 Nghị định số [112/2011/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2011-nd-cp-cong-chuc-xa-phuong-thi-tran-132674.aspx) ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn (Nghị định số 112/2011/NĐ-CP).

 2. Tiêu chuẩn cụ thể: Cán bộ, công chức cấp xã phải có đủ các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn cụ thể như sau:

 a) Độ tuổi đối với cán bộ: Tuổi giới thiệu ứng cử: thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ các tổ chức chính trị - xã hội và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Độ tuổi đối với công chức: Đủ 18 tuổi trở lên;

 b) Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp trung học phổ thông; đối với chức vụ Chủ tịch Hội Cựu chiến binh là người đang hưởng chế độ hưu trí, có tuổi đời trên 50 tuổi thì tốt nghiệp từ Trung học cơ sở trở lên;

 c) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên; riêng chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã: Tốt nghiệp Trung cấp ngành Quân sự cơ sở và Đại học chuyên ngành khác hoặc Cao đẳng Quân sự cơ sở trở lên;

 d) Trình độ tin học, ngoại ngữ: Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm;

 đ) Trình độ lý luận chính trị: cán bộ cấp xã khi được phê chuẩn lần đầu phải có trình độ trung cấp lý luận chính trị, trừ chức vụ: Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh không phải là cán bộ hưu dưới 50 tuổi, cán bộ khuyến nông, thú ý cơ sở ở xã, phường, thị trấn và công chức được bầu lần đầu sang cán bộ không phải là chức vụ chủ chốt cấp xã. Trường hợp này, phải hoàn thiện trình độ trung cấp lý luận chính trị sau 30 tháng kể từ ngày được phê chuẩn lần đầu;

 e) Chứng chỉ quản lý nhà nước: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND và Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND khi được phê chuẩn lần đầu giữ chức vụ phải có chứng chỉ quản lý nhà nước, chức vụ cán bộ cấp xã còn lại, sau khi bầu, trong nhiệm kỳ phải có chứng chỉ quản lý nhà nước;

 g) Công chức cấp xã sau khi được tuyển dụng phải hoàn thành lớp bồi dưỡng và được cấp chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên; chứng chỉ trung cấp lý luận chính trị và chứng chỉ bồi dưỡng chuyên ngành phù hợp với vị trí chức danh công chức cấp xã hiện đảm nhiệm. Trường hợp Chủ tịch Hội Cựu chiến binh là người đang hưởng chế độ hưu trí, có tuổi đời trên 50 tuổi không phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 2 Điều này.

 **Điều 7. Tiêu chuẩn ngành hoặc chuyên ngành đào tạo**

1. Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo đối với cán bộ xã thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về Bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm cán bộ xã.

 2. Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo đối với công chức xã phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã, căn cứ bằng tốt nghiệp theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, không phân biệt loại hình đào tạo, trường công lập hay ngoài công lập, cụ thể chức danh công chức:

 a) Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã: Ngành chính trị quân sự hoặc quân sự cơ sở trở lên;

 b) Văn phòng - Thống kê: Quản trị văn phòng; Văn thư - Lưu trữ; Hành chính văn thư; Lưu trữ học và quản trị văn phòng; Luật; Hành chính; Nội vụ; Thống kê; Thống kê kinh tế- xã hội; Công nghệ thông tin; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Quản lý hành chính công; Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Kinh tế; Quản lý Kinh tế;

 c) Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn): Địa chính; Địa chính môi trường; Quản lý đất đai; Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ; Kỹ thuật công trình xây dựng; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Kỹ thuật xây dựng; Xây dựng cầu đường; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Xây dựng cấp thoát nước; Quản lý xây dựng; Quản lý đô thị; Quy hoạch vùng và đô thị; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý Tài nguyên môi trường (đối với phường, thị trấn có 02 công chức Địa chính thì phải có 01 công chức chuyên trách đảm nhiệm quản lý xây dựng và đô thị có ngành hoặc chuyên ngành xây dựng, quản lý xây dựng và đô thị);

 Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã): có ngành hoặc chuyên ngành đào tạo quy định ở chức danh công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường và ngành, chuyên ngành: Nông học; Khuyến nông - Khuyến lâm; Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Quản lý kinh tế nông nghiệp; Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế hạ tầng và Phát triển nông thôn (đối với xã có 02 công chức Địa chính thì phải có 01 công chức chuyên trách công tác Nông- Lâm - Ngư nghiệp, có chuyên môn phù hợp với vị trí chức danh đảm nhiệm).

 d) Tài chính - Kế toán: Tài chính; Kế toán; Tài chính- Ngân hàng; Tài chính công; Kế toán- Kiểm toán;

 đ) Tư pháp - Hộ tịch: Luật;

 e) Văn hóa - Xã hội: Văn hóa; Văn hóa- thông tin; Quản lý văn hóa; Văn hóa quần chúng; Quản lý thể dục, thể thao; Việt Nam học; Văn hóa du lịch; Công tác xã hội; Quản lý lao động tiền lương và bảo trợ xã hội; Bảo hiểm; Quản lý xã hội; Xã hội học; Quản trị nhân lực; Luật ( xã, phường, thị trấn có 02 công chức Văn hóa - Xã hội phải bố trí đúng ngành hoặc chuyên ngành phù hợp với vị trí: 01 công chức làm công tác văn hóa, thể thao và du lịch và 01 công chức làm công tác lao động - thương binh và xã hội).

 3. Tiêu chuẩn cán bộ, công chức cấp xã quy định tại Điều 6, Điều 7 Quyết định này là căn cứ để thực hiện công tác quy hoạch, bầu cử, bổ nhiệm, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, xếp lương, chuyển xếp lương và thực hiện các chế độ, chính sách khác. Trường hợp đặc biệt, do yêu cầu công tác cán bộ, nếu cán bộ, công chức cấp xã trong quá trình tuyển dụng, bố trí, sắp xếp, điều động, xếp lương, chuyển xếp lương lần đầu có tiêu chuẩn ngành, chuyên ngành đào tạo không phù hợp theo quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều này, UBND cấp huyện báo cáo Sở Nội vụ xem xét, quyết định.

 4. Cán bộ Khuyến nông cơ sở, Thú y cơ sở ở xã, phường, thị trấn có năng lực thực tiễn, trẻ, đáp ứng nhu cầu nhiệm, đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 6 Quyết định này nhưng chưa đảm bảo tiêu chuẩn ngành, chuyên ngành quy định tại Điều 7 Quyết định này được bố trí, sắp xếp sang cán bộ, công chức cấp xã. Trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày tuyển dụng hoặc bầu phải đáp ứng tiêu chuẩn ngành, chuyên ngành theo quy định (thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024). Sau 36 tháng, cán bộ Khuyến nông, Thú y cơ sở không đảm bảo tiêu chuẩn ngành, chuyên ngành thì giải quyết chính sách theo quy định.

**Chương III**

**TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC XÃ**

**Mục 1**

**CĂN CỨ, ĐIỀU KIỆN, PHƯƠNG THỨC, THẨM QUYỀN TUYỂN DỤNG**

 **Điều 8. Căn cứ, nguyên tắc tuyển dụng**

 1. Tuyển dụng công chức xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, số lượng công chức cấp xã theo từng chức danh được UBND tỉnh giao và kế hoạch tuyển dụng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

 2. Tổ chức tuyển dụng do Hội đồng thi tuyển hoặc Hội đồng kiểm tra, sát hạch cấp huyện thực hiện, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan, công bằng, cạnh tranh và đúng quy định của pháp luật.

 3. Căn cứ Kế hoạch thi tuyển công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh của Sở Nội vụ, UBND cấp huyện ban hành Kế hoạch tổ chức thi tuyển công chức cấp xã trên địa bàn cấp mình. Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã phải nêu rõ số lượng chức danh công chức cấp xã được giao, số lượng công chức hiện có và số lượng công chức còn thiếu so với số được giao theo từng chức danh, điều kiện đăng ký dự tuyển theo từng chức danh công chức cấp xã.

 **Điều 9. Phương thức, thẩm quyền tuyển dụng**

 1. Phương thức tuyển dụng

 a) Thi tuyển đối với chức danh công chức: Văn phòng - Thống kê; Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường; Tài chính - Kế toán; Tư pháp - Hộ tịch; Văn hóa - Xã hội;

 b) Xét tuyển đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã;

 c) Tiếp nhận không qua thi tuyển đối với các trường hợp đặc biệt đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 6 Thông tư số [13/2019/TT-BNV](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-13-2019-tt-bnv-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-427442.aspx) ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (Thông tư số 13/2019/TT-BNV).

 2. Thẩm quyền tuyển dụng

 a) Chủ tịch UBND cấp huyện tổ chức thi tuyển công chức cấp xã và quyết định tuyển dụng công chức cấp xã đối với người trúng tuyển;

 b) Chủ tịch UBND cấp huyện tổ chức xét tuyển thông qua hình thức kiểm tra, sát hạch. Quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và quyết định tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển.

 **Điều 10. Điều kiện, hồ sơ đăng ký dự tuyển và ưu tiên trong tuyển dụng**

 1. Điều kiện đăng ký dự tuyển thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Cán bộ, công chức, Điều 6 Nghị định số [112/2011/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2011-nd-cp-cong-chuc-xa-phuong-thi-tran-132674.aspx) , Điều 3 Thông tư [13/2019/TT-BNV](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-13-2019-tt-bnv-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-427442.aspx) và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 6 và khoản 2 Điều 7 Quyết định này.

 2. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

 a) Hồ sơ đăng ký thi tuyển thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 5 Thông tư số [13/2019/TT-BNV](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-13-2019-tt-bnv-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-427442.aspx) (thành phần hồ sơ là bản sao) và phiếu đăng ký dự tuyển quy định tại Nghị định số [34/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-34-2019-nd-cp-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-412266.aspx);

 b) Hồ sơ đăng ký xét tuyển thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số [13/2019/TT-BNV](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-13-2019-tt-bnv-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-427442.aspx) (thành phần hồ sơ là bản sao) và phiếu đăng ký dự tuyển quy định tại Nghị định số [34/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-34-2019-nd-cp-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-412266.aspx) (trường hợp xét tuyển cán bộ cấp xã sang công chức cấp xã phải có văn bản đồng ý của Đảng ủy cấp xã).

 3. Ưu tiên trong tuyển dụng

 Đối tượng, điểm ưu tiên trong thi tuyển và xét tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số [112/2011/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2011-nd-cp-cong-chuc-xa-phuong-thi-tran-132674.aspx) đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số [34/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-34-2019-nd-cp-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-412266.aspx).

**Mục 2**

**THI TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

 **Điều 11. Hội đồng thi tuyển**

 1. Hội đồng thi tuyển công chức cấp xã do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập. Số lượng, cơ cấu thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thi tuyển (HĐTT) thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số [112/2011/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2011-nd-cp-cong-chuc-xa-phuong-thi-tran-132674.aspx) đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số [34/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-34-2019-nd-cp-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-412266.aspx) (trừ thành phần, nhiệm vụ Ban đề thi);

 2. HĐTT được sử dụng con dấu, tài khoản của UBND cấp huyện trong các hoạt động của Hội đồng.

 3. Thành viên HĐTT không có những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của bên vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng; con đẻ hoặc con nuôi của người dự thi hoặc những người đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc đang trong thời hạn bị thi hành kỷ luật.

 **Điều 12. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Hồ sơ đăng ký dự tuyển**

 1. Chậm nhất 01 ngày làm việc sau khi Kế hoạch thi tuyển công chức cấp xã của UBND cấp huyện được ban hành, UBND cấp huyện thông báo tuyển dụng và tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển theo quy định tại Điều 17 Nghị định số [112/2011/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2011-nd-cp-cong-chuc-xa-phuong-thi-tran-132674.aspx) đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số [34/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-34-2019-nd-cp-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-412266.aspx).

 2. Người đăng ký thi tuyển công chức cấp xã phải nộp trực tiếp Hồ sơ đăng ký thi tuyển quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định này; thời hạn nhận Hồ sơ đăng ký thi tuyển là 30 ngày sau ngày thông báo tuyển dụng công khai.

 **Điều 13. Nội dung, hình thức, đề thi và thời gian thi tuyển**

 1. Nội dung, hình thức và thời gian thi tuyển công chức cấp xã thực hiện theo 2 vòng thi quy định tại Điều 11 Điều 12 Nghị định số [112/2011/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2011-nd-cp-cong-chuc-xa-phuong-thi-tran-132674.aspx) đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số [34/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-34-2019-nd-cp-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-412266.aspx).

 2. Sở Nội vụ thành lập Ban đề thi và xây dựng đề thi tuyển dụng công chức cấp xã. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban đề thi thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Nội vụ về Quy chế tổ chức thi tuyển công chức.

**Điều 14. Tổ chức, giám sát kỳ thi**

 1. Tổ chức thi tuyển

 a) Khi hết thời gian nhận Hồ sơ đăng ký thi tuyển, chậm nhất là 10 ngày trước khi tổ chức thi tuyển, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập HĐTT; HĐTT tổ chức kỳ thi tuyển công chức cấp xã và báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện kết quả kỳ thi tuyển;

 b) Việc tổ chức thi tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Nội vụ về Quy chế tuyển dụng công chức và Nội quy tuyển dụng công chức.

 2. Giám sát kỳ thi

 a) Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Ban Giám sát kỳ thi. Số lượng, cơ cấu thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Giám sát thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Nội vụ về Quy chế tổ chức thi tuyển công chức.

 b) Sở Nội vụ thực hiện giám sát độc lập các kì thi tuyển công chức cấp xã .

 **Điều 15. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển**

 Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số [112/2011/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2011-nd-cp-cong-chuc-xa-phuong-thi-tran-132674.aspx) đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.

 **Điều 16. Thông báo kết quả thi tuyển và hồ sơ người trúng tuyển**

 1. Thông báo kết quả thi tuyển thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số [112/2011/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2011-nd-cp-cong-chuc-xa-phuong-thi-tran-132674.aspx) đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số [34/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-34-2019-nd-cp-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-412266.aspx) và khoản 1 Điều 5 Thông tư số [13/2019/TT-BNV](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-13-2019-tt-bnv-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-427442.aspx);

 2. Hồ sơ của người trúng tuyển thực hiện theo khoản 2 Điều 5 Thông tư số [13/2019/TT-BNV](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-13-2019-tt-bnv-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-427442.aspx).

 **Điều 17. Thời hạn ra quyết định tuyển dụng và nhận việc**

 1. Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số [112/2011/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2011-nd-cp-cong-chuc-xa-phuong-thi-tran-132674.aspx).

 2. Nội dung nhận việc, thời hạn và thời gian gia hạn nhận việc thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số [112/2011/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2011-nd-cp-cong-chuc-xa-phuong-thi-tran-132674.aspx) và khoản 4 Điều 20 Nghị định số [112/2011/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2011-nd-cp-cong-chuc-xa-phuong-thi-tran-132674.aspx) đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số [34/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-34-2019-nd-cp-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-412266.aspx).

 3. Trường hợp người trúng tuyển bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Quyết định này và trường hợp người được tuyển dụng bị hủy bỏ quyết định tuyển dụng quy định tại khoản 2 Điều này thì Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận đối với người dự tuyển có kết quả thi tuyển thấp hơn liền kề so với kết quả thi tuyển của người trúng tuyển ở chỉ tiêu cuối cùng, nếu người đó đảm bảo đủ các điều kiện quy định tại Điều 15 Quyết định này. Nội dung thời hạn ra quyết định tuyển dụng và nhận việc thực hiện theo Điều này.

 Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả thi tuyển thấp hơn liền kề bằng nhau thì xác định người trúng tuyển theo quy định tại Điều 15 Quyết định này.

**Mục 3**

**XÉT TUYỂN CHỈ HUY TRƯỞNG QUÂN SỰ CẤP XÃ VÀ TUYỂN DỤNG**

**CÔNG CHỨC CẤP XÃ TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT**

 **Điều 18. Xét tuyển Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã**

 1. Trình tự xét tuyển

 a) Thông báo xét tuyển và tiếp nhận Hồ sơ đăng ký xét tuyển: UBND cấp huyện xây dựng Kế hoạch xét tuyển, gửi Sở Nội vụ phê duyệt trước khi ban hành. Chậm nhất 01 ngày Kế hoạch được ban hành, UBND cấp huyện thông báo xét tuyển ít nhất 01 lần tại trụ sở UBND cấp huyện, UBND cấp xã nơi tuyển dụng công chức. Thời hạn nhận Hồ sơ đăng ký xét tuyển là 10 ngày sau ngày thông báo tuyển dụng công khai;

 b) Hội đồng kiểm tra, sát hạch (HĐKTSH)

 Chậm nhất là 05 ngày, khi hết hạn thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển; Chủ tịch UBND cấp huyện thành lập HĐKTSH. Số lượng, cơ cấu thành viên HĐKTSH thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số [112/2011/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2011-nd-cp-cong-chuc-xa-phuong-thi-tran-132674.aspx) đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số [34/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-34-2019-nd-cp-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-412266.aspx). HĐKTSH làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số.

 c) Nội dung, hình thức kiểm tra sát hạch

 HĐKTSH có nhiệm vụ, quyền hạn: Kiểm tra trực tiếp hồ sơ, điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu chức danh Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã cần tuyển quy định điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 6 và điểm a khoản 2 Điều 7 Quyết định này.

 Sát hạch bằng hình thức trả lời 100 câu hỏi trắc nghiệm trên giấy, thời gian trả lời câu hỏi: 120 phút, tính theo thang điểm 100 với mỗi câu hỏi là 01 điểm, cơ cấu câu hỏi sát hạch: 30 câu hỏi sát hạch về kiến thức chung (hệ thống chính trị, Luật Cán bộ, công chức, tiêu chuẩn ngạch công chức); 70 câu hỏi sát hạch về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến vị trí việc làm cần tuyển.

 d) Tổ chức kiểm tra, sát hạch: Chủ tịch HĐKTSH tổ chức kiểm tra, sát hạch theo bộ câu hỏi do Sở Nội vụ xây dựng và tổ chức chấm điểm. Kết quả điểm kiểm tra, sát hạch được Thư ký HĐKTSH tổng hợp, báo cáo Chủ tịch HĐKTSH. HĐKTSH lập biên bản kết quả họp và báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện kết quả kiểm tra, sát hạch;

 đ) Xác định người trúng tuyển: Người trúng tuyển chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã là người có kết quả điểm sát hạch đạt từ 50 điểm trở lên; trường hợp có nhiều người tham gia thì lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu tuyển dụng. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm sát hạch bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì HĐKTSH đề nghị tuyển người có trình độ chuyên môn hệ chính quy đúng chuyên ngành cao hơn, tiếp đến là kết quả học tập cao hơn. Trường hợp không xác định được người trúng tuyển theo quy định tại Điểm này, thì HĐKTSH đề xuất Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định;

 e) Thông báo, thẩm định kết quả xét tuyển: UBND cấp huyện niêm yết công khai kết quả kiểm tra, sát hạch tại trụ sở làm việc, trên Cổng thông tin điện tử của UBND cấp huyện, UBND cấp xã nơi có chỉ tiêu tuyển dụng. Trong thời hạn 05 ngày sau ngày niêm yết công khai, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả kiểm tra, sát hạch. Chủ tịch HĐKTSH nhận đơn, tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất là 05 ngày sau ngày hết hạn nhận đơn phúc khảo quy định tại Điểm này. HĐKTSH báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện kết quả xét tuyển;

 Trong thời hạn 05 ngàykể từ ngày công bố kết quả chấm phúc khảo theo quy định tại Điểm này, sau khi có văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã nơi có chỉ tiêu tuyển dụng thống nhất với Chỉ huy trưởng ban chỉ huy Quân sự cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp huyện gửi văn bản, hồ sơ đề nghị Sở Nội vụ công nhận kết quả xét tuyển trường hợp đủ điều kiện tuyển dụng Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã (kèm theo biên bản của HĐKTSH, văn bản đề nghị tiếp nhận của Chủ tịch UBND cấp xã). Chậm nhất 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị của Chủ tịch UBND cấp huyện, Sở Nội vụ ban hành văn bản công nhận kết quả xét tuyển;

 g) Thời hạn ra quyết định xét tuyển và hồ sơ người trúng tuyển: Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản công nhận kết quả xét tuyển của Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và niêm yết công khai kết quả tuyển dụng tại trụ sở UBND cấp huyện, UBND cấp xã nơi có chỉ tiêu tuyển dụng;

 Hồ sơ của người trúng tuyển được thực hiện theo khoản 2 Điều 5 Thông tư số [13/2019/TT-BNV](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-13-2019-tt-bnv-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-427442.aspx) .

 2. Nhận việc

 Thời hạn, thời gian gia hạn nhận việc thực hiện theo khoản 2 Điều 17 Quyết định này. Trường hợp người trúng tuyển bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển khi không hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong kê khai Hồ sơ đăng ký xét tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định và trường hợp người được tuyển dụng bị hủy bỏ quyết định tuyển dụng do không đến nhận việc trong thời hạn quy định thì việc xác định người trúng tuyển thực hiện theo khoản 3 Điều 17 Quyết định này.

 **Điều 19. Trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng**

 1. Đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn

 Căn cứ điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều 10 Quyết định này và yêu cầu công việc, Chủ tịch UBND cấp huyện được tuyển dụng không qua thi tuyển, xét tuyển đối với các trường hợp đặc biệt theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số [112/2011/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2011-nd-cp-cong-chuc-xa-phuong-thi-tran-132674.aspx) đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số [34/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-34-2019-nd-cp-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-412266.aspx) và Điều 6 Thông tư số [13/2019/TT-BNV](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-13-2019-tt-bnv-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-427442.aspx).

 2. Quy trình tuyển dụng công chức cấp xã không qua thi tuyển, xét tuyển

 a) Việc xây dựng kế hoạch; Thông báo xét tuyển và tiếp nhận Hồ sơ đăng ký xét tuyển; Hội đồng kiểm tra, sát hạch; Tổ chức kiểm tra, sát hạch; Thông báo, thẩm định kết quả xét tuyển; Thời hạn ra quyết định xét tuyển thực hiện quy định tại Điều 18 Quyết định này.

 b) Nội dung và hình thức kiểm tra, sát hạch: HĐKTSH có nhiệm vụ, quyền hạn: Kiểm tra trực tiếp hồ sơ, điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 6, điểm b, c, d, đ, e khoản 2 Điều 7 Quyết định này và sát hạch trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người được đề nghị xét tuyển;

 c) Xác định người trúng tuyển: Người trúng tuyển công chức không qua thi tuyển tại Điều này là người có kết quả điểm sát hạch đạt từ 50 điểm trở lên; lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm sát hạch bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì xác định người trúng tuyển như sau:

 Tốt nghiệp đại học thủ khoa, xuất sắc, giỏi, hệ chính quy tại các cơ sở đào tạo công lập. Trường hợp số người ở nhóm ưu tiên này nhiều hơn số chỉ tiêu cần tuyển dụng thì dựa vào tổng kết quả học tập (tổng điểm trung bình các môn học và điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp của trình độ đào tạo được xem xét tiếp nhận không qua thi tuyển) và điểm ưu tiên quy định tại khoản 3 Điều 10 Quyết định này, lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp. Riêng đối với trường hợp không phải kiểm tra, sát hạch, ưu tiên người có số năm công tác nhiều hơn tại vị trí việc làm phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển. Trường hợp vẫn không xác định được người trúng tuyển theo quy định điểm này, thì HĐKTSH đề xuất Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định. Người không trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng công chức không qua thi tuyển không được bảo lưu kết quả tuyển dụng cho các kỳ tuyển dụng lần sau;

 d) Hồ sơ người trúng tuyển thực hiện theo khoản 1 Điều 7 Thông tư số [13/2019/TT-BNV](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-13-2019-tt-bnv-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-427442.aspx).

 3. Cán bộ cấp xã tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển, trước khi được bầu giữ cán bộ cấp xã đã là công chức cấp xã không phải thành lập HĐKTSH phải có văn bản đề nghị tiếp nhận của Chủ tịch UBND cấp xã nơi có nhu cầu tiếp nhận đối với công chức cấp xã không qua thi tuyển. UBND cấp huyện kiểm tra hồ sơ, điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu chức danh công chức cấp xã cần tuyển đề nghị Sở Nội vụ thẩm định và ra quyết định tuyển dụng.

 4. Người được tuyển dụng vào công chức cấp xã theo Quyết định này được bố trí vào chức danh theo đúng ngành hoặc chuyên ngành đào tạo hoặc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm thì thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước ngày được tuyển dụng, tiếp nhận vào công chức (nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) được tính để làm căn cứ xếp lương phù hợp với chức danh công chức được tuyển dụng.

 **Chương IV**

**CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH, XỬ LÝ KỶ LUẬT**

**CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

**Mục 1**

**CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH**

 **Điều 20. Thẩm quyền, trình tự, hồ sơ xếp lương cán bộ xã**

1. Chủ tịch UBND cấp huyện thẩm định tiêu chuẩn, quyết định: xếp lương lần đầu cán bộ cấp xã; xếp lương cán bộ cấp xã trong trường hợp tái cử, chuyển sang đảm nhiệm chức vụ cán bộ xã khác hoặc chuyển từ công chức sang cán bộ cấp xã.

 2. Trình tự thẩm định tiêu chuẩn, xếp lương cán bộ xã

 a) Chủ tịch UBND cấp xã đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện thẩm định tiêu chuẩn đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này. Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định xếp lương cán bộ xã đối với trường hợp đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 3, 5, 6, 7, 8 Quyết định số 04/2004/QĐ- BNV, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 6 và khoản 1 Điều 7 Quy định này;

 b) Trường hợp đối tượng là người lần đầu giữ chức vụ cán bộ cấp xã, trước khi ban hành Quyết định xếp lương lần đầu, Chủ tịch UBND cấp huyện phải thống nhất, xin ý kiến Sở Nội vụ chấp thuận về biên chế, tiêu chuẩn người dự kiến bố trí đảm nhiệm chức danh cán bộ cấp xã. Sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ, cơ quan có thẩm quyền ở cấp huyện tiến hành kiện toàn chức danh đó và ban hành Quyết định hoặc Nghị quyết phê chuẩn kết quả bầu cử người lần đầu giữ chức vụ cán bộ cấp xã.

 Chủ tịch UBND cấp xã có Công văn kèm theo hồ sơ đề nghị xếp lương quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, gửi Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định xếp lương lần đầu đối với cán bộ cấp xã.

 3. Hồ sơ đề nghị thẩm định tiêu chuẩn, xếp lương

 a) Hồ sơ đề nghị thẩm định tiêu chuẩn xếp lương lần đầu gồm:

 Công văn của Chủ tịch UBND cấp xã đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện thẩm định tiêu chuẩn người lần đầu dự kiến giữ chức vụ cán bộ cấp xã;

 Bản sơ yếu lý lịch cán bộ theo mẫu số 2c-BNV/2008 ban hành kèm theo Quyết định số [02/2008/QĐ-BNV](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/quyet-dinh-02-2008-qd-bnv-mau-bieu-quan-ly-ho-so-can-bo-cong-chuc-81897.aspx) ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ có xác nhận của UBND cấp xã nơi công tác trong thời hạn 30 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

 Bản sao trình độ chuyên môn đào tạo và các chứng chỉ quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 1 Điều 7 Quy định này.

 b) Hồ sơ đề nghị xếp lương lần đầu, xếp lương cán bộ cấp xã trong trường hợp tái cử, chuyển sang đảm nhiệm chức vụ cán bộ xã khác hoặc chuyển từ công chức sang cán bộ cấp xã gồm:

 Công văn đề nghị xếp lương của Chủ tịch UBND cấp xã; Bản sao Quyết định hoặc Nghị quyết phê chuẩn kết quả bầu cử của cấp có thẩm quyền;

 Bản sao Quyết định xếp lương gần nhất (đối với xếp lương cán bộ cấp xã trong trường hợp tái cử, chuyển sang đảm nhiệm chức vụ cán bộ xã khác hoặc chuyển từ công chức sang cán bộ cấp xã);

 Văn bản chấp thuận của Sở Nội vụ về biên chế, tiêu chuẩn người dự kiến bố trí đảm nhiệm chức danh cán bộ cấp xã (đối với xếp lương lần đầu cán bộ cấp xã).

 c) Hồ sơ đề nghị Sở Nội vụ thẩm định biên chế, tiêu chuẩn xếp lương lần đầu cán bộ xã thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, kèm theo Công văn của Chủ tịch UBND cấp huyện.

 **Điều 21. Chuyển xếp lương cán bộ, công chức cấp xã khi có thay đổi về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ**

1. Tiêu chuẩn, điều kiện: Cán bộ, công chức cấp xã thực hiện chuyển xếp lương khi thay đổi trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ phải đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

 a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm đề nghị xét chuyển; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, bị điều tra, truy tố, xét xử và không trong thời hạn bị thi hành kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

 b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch công chức cao hơn ngạch công chức hiện giữ trong cùng ngành chuyên môn;

 c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ của ngạch công chức xét tuyển: Có bằng tốt nghiệp: đại học (đối với ngạch chuyên viên), cao đẳng (đối với ngạch cán sự) trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với chức vụ, chức danh quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 7 Quyết định này và có chứng chỉ dồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp hành chính trở lên hoặc thạc sỹ quản lý hành chính công (đối với ngạch chuyên viên);

 2. Thẩm quyền chuyển xếp lương: Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với cán bộ, công chức cấp xã đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này hoặc đạt kỳ kiểm tra, sát hạch quy định tại khoản 3 Điều này.

 3. Trình tự chuyển xếp lương:

 a) UBND cấp huyện căn cứ nhu cầu và cơ cấu ngạch công chức của từng cán bộ, công chức cấp xã báo cáo Sở Nội vụ danh sách cán bộ, công chức xã đủ tiêu chuẩn, điều kiện chuyển xếp lương;

 b) Căn cứ nhu cầu, số lượng cán bộ, công chức cấp xã tham gia chuyển xếp lương, Sở Nội vụ quyết định lựa chọn phương thức chuyển xếp lương: xét, thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn hoặc kiểm tra, sát hạch bằng hình thức: làm bài viết hay phỏng vấn.

 Trường hợp, số lượng cán bộ, công chức cấp xã tham gia chuyển xếp lương trong một kỳ chuyển xếp trong phạm vi quản lý của tỉnh dưới 20 người thì thực hiện xét, thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này: Chủ tịch UBND cấp huyện gửi hồ sơ, đề nghị Sở Nội vụ thẩm định. Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương đối với cán bộ, công chức cấp xã đủ điều kiện, tiêu chuẩn, sau khi có văn bản thẩm định của Sở Nội vụ;

 Trường hợp, số lượng cán bộ, công chức cấp xã tham gia chuyển xếp lương trong một kỳ chuyển xếp trong phạm vi quản lý của tỉnh trên 20 người trở lên, tùy thuộc tình hình thực tế, Sở Nội vụ lựa chọn phương thức chuyển xếp kiểm tra, sát hạch bằng hình thức: bài viết hay phỏng vấn. Người đạt kết quả kiểm tra, sát hạch là người trả lời đúng từ 50% câu hỏi trở lên đối với từng môn kiến thức quản lý nhà nước và môn chuyên môn, nghiệp vụ. Căn cứ quyết định phê duyệt kết quả sát hạch, kiểm tra của Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương đối với cán bộ, công chức cấp xã.

 c) Sở Nội vụ xây dựng Kế hoạch tổ chức kiểm tra, sát hạch, chuyển xếp lương từ ngạch nhân viên lên cán sự; từ ngạch nhân viên, cán sự lên ngạch chuyên viên đối với trường hợp phải tổ chức kiểm tra, sát hạch quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

 4. Hồ sơ chuyển xếp lương bao gồm:

 a) Bản sơ yếu lý lịch cán bộ theo mẫu số 2c-BNV/2008 ban hành kèm theo Quyết định số [02/2008/QĐ-BNV](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/quyet-dinh-02-2008-qd-bnv-mau-bieu-quan-ly-ho-so-can-bo-cong-chuc-81897.aspx) ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ có xác nhận của UBND cấp xã nơi công tác trong thời hạn 30 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

 b) Bản nhận xét, đánh giá công chức của Chủ tịch UBND cấp xã theo các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này;

 c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch đăng ký dự thi được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

 **Mục 2**

**XỬ LÝ KỶ LUẬT CÁN BỘ XÃ**

 **Điều 22. Xử lý kỷ luật cán bộ cấp xã**

 1. Nguyên tắc xử lý kỷ luật, việc áp dụng các hình thức kỷ luật tương ứng với các hành vi vi phạm; thẩm quyền xử lý kỷ luật cán bộ cấp xã và người đã nghỉ việc, nghỉ hưu thực hiện theo quy định Nghị định số [112/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2020-nd-cp-xu-ly-ky-luat-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-453227.aspx) .

 2. Trình tự xử lý kỷ luật cán bộ cấp xã

 Trường hợp cán bộ là đảng viên, thì cấp ủy quản lý đảng viên đó xem xét, xử lý kỷ luật về Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và các văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Sau đó,việc xử lý kỷ luật được thực hiện như sau:

 a) Cán bộ giữ chức vụ: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, kết quả xử lý kỷ luật về Đảng được gửi đến Chủ tịch UBND cấp huyện để theo dõi, quản lý theo quy định;

 b) Cán bộ giữ chức vụ: Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND, kết quả xử lý kỷ luật về Đảng được gửi đến Chủ tịch UBND cấp huyện để xem xét và xử lý kỷ luật chính quyền theo quy định tại Điều 22 đến Điều 27 Quy định này;

 c) Cán bộ giữ các chức vụ trong tổ chức đoàn thể (Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh), kết quả xử lý kỷ luật về Đảng được gửi tổ chức đoàn thể cấp trên trực tiếp xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định của Điều lệ và các văn bản hướng dẫn của các tổ chức đoàn thể đó. Kết quả xử lý kỷ luật về Đảng và kết quả xử lý kỷ luật theo đoàn thể được gửi đến Chủ tịch UBND cấp huyện để theo dõi, quản lý theo quy định.

 **Điều 23. Tổ chức họp kiểm điểm cán bộ cấp xã**

 1. Tổ chức họp kiểm điểm

 a) Chủ tịch UBND cấp xã (hoặc Phó Chủ tịch UBND khi Chủ tịch UBND có hành vi vi phạm pháp luật) tổ chức họp để cán bộ cấp xã có hành vi vi phạm tự kiểm điểm và nhận hình thức kỷ luật;

 b) Thành phần dự họp thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 26 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP. Các nội dung khác liên quan đến việc tổ chức cuộc họp kiểm điểm cán bộ cấp xã có hành vi vi phạm thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 26 Nghị định số [112/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2020-nd-cp-xu-ly-ky-luat-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-453227.aspx) .

 2. Trường hợp xử lý kỷ luật cán bộ cấp xã theo quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số [112/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2020-nd-cp-xu-ly-ky-luat-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-453227.aspx) thì không thực hiện tổ chức họp kiểm điểm quy định tại khoản 1 Điều này.

 3. Trường hợp cán bộ cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo hoặc bị Tòa án kết án về hành vi tham nhũng thì không thực hiện quy định tổ chức họp kiểm quy định tại khoản 1 Điều này và không thành lập Hội đồng kỷ luật **(**HĐKL) quy định tại Điều 24 Quy định này.

 **Điều 24. Hội đồng kỷ luật cán bộ cấp xã**

 1. Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo và biên bản cuộc họp kiểm điểm, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập HĐKL để tư vấn về việc áp dụng hình thức kỷ luật đối với cán bộ cấp xã có hành vi vi phạm, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

 2. Thành phần HĐKL gồm có 05 thành viên :

 a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện. Trường hợp Phó Chủ tịch UBND cấp huyện có hành vi liên đới thì Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND cấp huyện; Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ban Tổ chức Huyện ủy, Thành ủy (là Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, Thành ủy); Thư ký Hội đồng là lãnh đạo phòng Nội vụ cấp huyện và Ủy viên khác gồm: đại diện lãnh đạo Liên đoàn lao động cấp huyện; đại diện Thường trực Đảng ủy hoặc Thường trực HĐND hoặc UBND cấp xã nơi cán bộ cấp xã bị xem xét kỷ luật đang công tác.

 b) Thành viên HĐKL không là người có quan hệ gia đình như vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu hoặc người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hành vi vi phạm của cán bộ cấp xã bị xem xét xử lý kỷ luật.

 3. Nguyên tắc làm việc của HĐKL thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số [112/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2020-nd-cp-xu-ly-ky-luat-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-453227.aspx) và các trường hợp không thành lập HĐKL thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số [112/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2020-nd-cp-xu-ly-ky-luat-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-453227.aspx) .

 **Điều 25. Tổ chức họp Hội đồng kỷ luật cán bộ cấp xã**

 Tổ chức họp HĐKL đối với cán bộ cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số [112/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2020-nd-cp-xu-ly-ky-luat-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-453227.aspx) .

 **Điều 26. Quyết định kỷ luật cán bộ cấp xã**

 1. Trình tự ra quyết định kỷ luật:

 a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp, HĐKL phải có kiến nghị việc xử lý kỷ luật bằng văn bản (kèm theo biên bản họp HĐKL và hồ sơ xử lý kỷ luật) gửi Chủ tịch UBND cấp huyện.

 b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của HĐKL trong trường hợp thành lập HĐKL hoặc biên bản cuộc họp kiểm điểm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không thành lập HĐKL hoặc văn bản đề xuất của cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ của cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật, Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định kỷ luật hoặc kết luận cán bộ cấp xã không vi phạm.

 c) Việc ra quyết định kéo dài thời hạn xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật trong trường hợp vi phạm của cán bộ cấp xã có liên quan đến nhiều người, có tang vật, phương tiện cần giám định hoặc có tình tiết phức tạp thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số [112/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2020-nd-cp-xu-ly-ky-luat-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-453227.aspx) .

 2. Trường hợp cán bộ cấp xã có hành vi vi phạm bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo hoặc bị Tòa án kết án về hành vi tham nhũng, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án, Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định kỷ luật buộc thôi việc.

 3. Quyết định kỷ luật phải ghi rõ thời điểm có hiệu lực thi hành.

 4. Hiệu lực quyết định kỷ luật và quyết định kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực mà không cần phải có văn bản về việc chấm dứt hiệu lực thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Nghị định số [112/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2020-nd-cp-xu-ly-ky-luat-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-453227.aspx) ;

 Trường hợp cán bộ cấp xã tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian đang thi hành quyết định kỷ luật thì xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP. Quyết định kỷ luật đang thi hành chấm dứt hiệu lực kể từ thời điểm quyết định kỷ luật đối với hành vi vi phạm pháp luật mới có hiệu lực. Các tài liệu liên quan đến việc xử lý kỷ luật và quyết định kỷ luật phải được lưu giữ trong hồ sơ cán bộ cấp xã, hình thức kỷ luật phải ghi vào lý lịch của cán bộ cấp xã.

 **Điều 27. Quy định khác liên quan đến xử lý kỷ luật cán bộ, công chức xã**

 1. Các trường hợp chưa xem xét kỷ luật, được miễn trách nhiệm kỷ luật; thời hiệu, thời hạn, các hành vi bị xử lý kỷ luật và khiếu nại quyết định xử lý kỷ luật cán bộ, công chức cấp xã thực hiện theo quy định Nghị định số [112/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2020-nd-cp-xu-ly-ky-luat-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-453227.aspx); Tạm đình chỉ công tác cán bộ, công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 81 Luật Cán bộ, công chức;

 2. Việc xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức cấp huyện được luân chuyển, điều động, biệt phái làm cán bộ cấp xã thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương IV Quyết định này.

 3. Quy định khác liên quan đến cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 82 Luật Cán bộ, công chức và khoản 2 và khoản 3 Điều 82 Luật Cán bộ, công chức đã được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Điều 38 Điều 39 Điều 41 Nghị định số [112/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2020-nd-cp-xu-ly-ky-luat-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-453227.aspx) .

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

 **Điều 28. Trách nhiệm thi hành**

 1. UBND cấp xã

 a) Trực tiếp quản lý, sử dụng, nhận xét, đánh giá hàng năm đối với công chức cấp xã; lập danh sách cán bộ, công chức cấp xã có đủ điều kiện đề nghị chuyển xếp lương, xây dựng nhu cầu thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã của đơn vị mình, báo cáo UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm phân công, bố trí công việc người trúng tuyển theo đúng chức danh trúng tuyển;

 b) Rà soát, lập kế hoạch quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và đăng ký cơ quan có thẩm quyền cử cán bộ, công chức cấp xã đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Quyết định này.

 2. UBND cấp huyện

 a) Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm về các điều kiện, tiêu chuẩn, phẩm chất, trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và hồ sơ của người đề nghị tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển, người xét tuyển Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã, cán bộ cấp xã xếp lương lần đầu và cán bộ, công chức cấp xã chuyển xếp lương khi thay đổi trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo đúng quy định. Bố trí cán bộ, công chức cấp xã theo đúng tiêu chuẩn quy định;

 b) Căn cứ nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã, UBND cấp huyện tổng hợp, xây dựng Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã. Căn cứ kết quả người trúng tuyển thi tuyển công chức cấp xã,Chủ tịch UBND cấp huyện, báo cáo Sở Nội vụ có ý kiến thống nhất bằng văn bản trước khi quyết định tuyển dụng;

 c) Hằng năm, tổng hợp, lập kế hoạch quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã toàn huyện, thành phố; đăng ký với cơ quan có thẩm quyền cử cán bộ, công chức cấp xã đi đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn theo quy định tại Điều 6 Điều 7 Quyết định này.

 3. Sở Nội vụ

 a) Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với từng chức danh cán bộ, công chức cấp xã về công tác xây dựng Đảng, đoàn thể, quản lý nhà nước, lý luận chính trị, ngoại ngữ;

 b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát độc lập quá trình tổ chức thi tuyển, xét tuyển hoặc tuyển dụng đặc biệt công chức cấp xã;

 c) Phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan tham mưu giúp việc của Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các quy định về tiêu chuẩn cán bộ, công chức cấp xã. Hướng dẫn việc thực hiện các quy định này và giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến cán bộ, công chức cấp xã.

 **Điều 29. Điều khoản thi hành**

 1. Ngoài những nội dung quản lý được quy định tại Quy định này, những nội dung quản lý cán bộ, công chức cấp xã khác như: điều động, tiếp nhận, trình tự, thủ tục đánh giá công chức, xét chuyển cán bộ cấp xã vào công chức từ cấp huyện trở lên, khen thưởng, xin thôi làm nhiệm vụ, từ chức, miễn nhiệm, nghỉ hưu; kỷ luật đối với công chức cấp xã (bao gồm cả công chức xã đã nghỉ việc, nghỉ hưu, mới phát hiện ra hành vi vi phạm trong thời gian công tác) và một số chế độ chính sách khác được thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, các Nghị định, Thông tư và các văn bản của tỉnh có liên quan đến quản lý cán bộ, công chức.

 2. Việc Quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thực hiện theo Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quy định tiêu chuẩn, tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến khi UBND tỉnh ban hành quy định mới thay thế nội dung này.

 3. Cán bộ được phê chuẩn trước khi Quyết định này có hiệu lực mà chưa đạt đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Quết định này thì trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực phải đáp ứng đủ theo quy định. Công chức được tuyển dụng trước ngày 25 tháng 12 năm 2019 chưa đạt đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Quy định này thì trong thời hạn 05 năm kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2019 phải đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định.

 4. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để hướng dẫn thực hiện hoặc xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

 **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**

 **CHỦ TỊCH**

 **Lê Ánh Dương**